

*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

**QUY ĐỊNH  
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KN ngày tháng năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Phần I- Quy định chung**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

- Định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT) khuyến nông được áp dụng trong hoạt động khuyến nông, sử dụng nguồn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

- Định mức KTKT khuyến nông là cơ sở, căn cứ để xây dựng, phê duyệt thuyết minh dự án khuyến nông trung ương, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên sử dụng nguồn kinh phí do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

**2. Đối tượng áp dụng:**

Định mức KTKT khuyến nông áp dụng đối với các cá tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**3. Căn cứ xây dựng:**

- Nghị Định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm - Thông tư số 75/2019/TT-BTC, ngày 04 /11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

- Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2021 Quy định về xây dựng, ban hành định mức KTKT sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý;

**3.1 Đối với lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Lâm nghiệp.**

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041:2017 về nông nghiệp hữu cơ, phần 1 và 2

- TCVN 11041-7:2018 Phần 5: Gạo hữu cơ

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11892-1:2017 về thực hành quy trình nông nghiệp tốt VietGAP.

- Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

- Các quy trình công nghệ, quy trình sản xuất đã được ban hành, công nhận trong lĩnh vực:

+ Các Quyết định số 643/QĐ-TT-CLT ngày 28/12/2012; số 636/QĐ-TT-CLT ngày 28/12/2012 của Cục Trồng trọt; số 635/QĐ-TT-CLT ngày 28/12/2012; số 637/QĐ-TT-CLT ngày 28/12/2012; số 642/QĐ-TT-CLT ngày 28/12/2012 và số 644/QĐ-TT-CLT ngày 28/12/2012 của Cục Trồng trọt;...

+ Các Quyết định số 386/QĐ-VRQ-KH ngày 24/10/2019 và số 170A2/QĐ-VRQ-KH ngày 25/5/2020 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Rau quả;

+ Các Quyết định số 459/QĐ-MNPB-KH ngày 30/12/2017; số 248/QĐ-MNPB-KH ngày 16/03/2020 của Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc..

- Các Quyết định số 1188/QĐ-BNN-KHCN ngày 31/3/2020; số 230/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/01/2019, số 724/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/03/2020; số 2611/QĐ-BNN-KH ngày 10/07/2020; số 663/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/02/2021 về Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.

- Quyết định số 2521/QĐ-BNN-KHCN ngày 07/06/2021 về Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động khoa học và công nghệ lĩnh vực Trồng trọt;

- Các tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn, Tiêu chuẩn cơ sở và các văn bản, quy định khác.

### **3.2 Đối với lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y.**

- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

- Quyết định số 217/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/01/2021 ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động công nghệ lĩnh vực chăn nuôi thú y;

- Quyết định số 2509/QĐ-BNN-CN ngày 26/06/2016 về quy chế chứng nhận và quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn và chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ;

- Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN Ban hành 08 quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho: bò sữa, bò thịt; dê sữa, dê thịt; lợn; gà; ngan-vịt và ong;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5603:2008 (CAC/RCP 1-1969, REV.4-2003) về Quy phạm thực hành về những nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm;

- Tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) ban hành;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041:2017 về nông nghiệp hữu cơ;

- QCVN 150: 2017/BNNPTNT yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Các tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn, Tiêu chuẩn cơ sở và các văn bản, quy định khác.

### **3.3 Đối với lĩnh vực Thủy sản.**

- TCVN 9389:2014 Giống tôm càng xanh - yêu cầu kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn ngành 187:2004 Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm càng xanh *Compound pellet feed for Giant freshwater prawn (Macrobrachium rosenbergii)*;
- TCVN 10257: 2014 Tôm thẻ chân trắng – tôm giống – yêu cầu kỹ thuật (*White leg shrimp - Postlarvae - Technical requirements*);
- TCVN 10325:2014 Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ chân trắng (*Compound feed for White Leg shrimp*);
- TCVN 8398: 2012 Tôm biển – Tôm sú giống PL15 – Yêu cầu kỹ thuật (*Marine shrimp - Post-Larvae 15 Tiger shrimp - Technical requirement*);
- Quyết định 663/QĐ-BNN-KN ngày 3/2/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương;
- Căn cứ quy trình công nghệ, quy trình sản xuất đã được ban hành và công nhận tại Quyết định số 73/QĐ-TCTS-KHCN&HTQT ngày 05/3/2021 của Tổng cục Thủy sản;
- Căn cứ quy trình kỹ thuật ứng dụng chế phẩm sinh học và hệ thống thiết bị tăng đạm, giảm mặn, lọc để rút ngắn thời gian sản xuất, giảm tổn thất đạm trong quá trình chế biến nước mắm truyền thống được công nhận tại Quyết định số 69690/QĐ-SHTT ngày 19/8/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.
- Căn cứ quy trình kỹ thuật công nghệ nuôi cá ngành; nuôi cá trắm đen trong lồng bè trên sông của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Ninh.
- Các tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn, Tiêu chuẩn cơ sở và các văn bản, quy định khác.

### **3.4 Đối với lĩnh vực Nghề muối.**

- Quyết định số 3438/QĐ-BNN-KTHT ngày 05/9/2019 Ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật tạm thời xây dựng mô hình sản xuất muối chất lượng cao;
- Quyết định số 724/QĐ-BNN-KHCN ngày 09/03/2020 về Ban hành tạm thời các định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho dự án khuyến nông Trung ương;
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm.
- Các quy trình công nghệ, quy trình sản xuất đã được ban hành, công nhận trong lĩnh vực.

### **3.5 Đối với nhiệm vụ Đào tạo huấn luyện.**

- Thông tư 36/2018/TT-BTC, ngày 30 tháng 03 năm 2018 Thông Tư hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/04/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định mức kinh tế kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình;

- Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

- Thông tư liên tịch số 55/2015 TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách;

- Văn bản quy định khác.

### **3.6 Đối với nhiệm vụ Thông tin tuyên truyền.**

- Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật trong xúc tiến, quảng bá du lịch; phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch tiêu biểu quy mô quốc gia, liên vùng; tổ chức lễ hội văn hóa - du lịch ở trong nước;

- Quyết định số 2201/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình cung cấp dịch vụ và định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức cuộc thi, liên hoan, nghệ thuật chuyên nghiệp, truyền thống, tiêu biểu, đặc thù sử dụng ngân sách nhà nước;

- Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin truyền thông Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình;

- Thông tư 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản;

- Thông tư 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử;

- Văn bản quy định khác.

### **4. Quy định chữ viết tắt:**

- Kinh tế kỹ thuật: KTKT

- Khuyến nông: KN

- Kỹ thuật: KT

- Đơn vị tính: ĐVT

- Dự án: DA

- Hội nghị: HN

- Mô hình: MH

- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS

- Tiến bộ kỹ thuật: TBKT
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: TT KNQG
- Trồng trọt : TT
- Bảo vệ thực vật: BVTV
- Chăn nuôi thú y: CNTY
- Thủy sản: TS
- Khai thác Thủy sản: KTTS
- Nuôi trồng thủy sản: NTTS
- Hệ số chuyển đổi thức ăn: FCR
- Nghề muối: NM
- Đào tạo huấn luyện khuyến nông: ĐTHL
- Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: Diễn đàn KN@NN

### **5. Cơ cấu trong 1 bộ định mức**

- Phần I. Quy định chung
- Phần II. Định mức Kinh tế kỹ thuật (*Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm*)

**6. Định mức là mức tối đa**, có thể hỗ trợ thấp hơn định mức tùy theo quy trình kỹ thuật, kinh phí được phê duyệt.

**7. Mức hỗ trợ** cho hoạt động khuyến nông được áp dụng theo Nghị Định 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của chính phủ về khuyến nông và các quy định hiện hành.

### **Phần II- Định mức Kinh tế kỹ thuật (Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm)**

Phụ lục I: Định mức KTKT khuyến nông lĩnh vực **Trồng trọt- Bảo vệ thực vật**

Phụ lục II: Định mức KTKT khuyến nông lĩnh vực **Chăn nuôi - Thú y**

Phụ lụcIII: Định mức KTKT khuyến nông lĩnh vực **Lâm nghiệp**

Phụ lục IV: Định mức KTKT khuyến nông lĩnh vực **Thủy sản**

Phụ lục V: Định mức KTKT khuyến nông lĩnh vực **Nghề muối**

Phụ lục VI: Định mức KTKT khuyến nông nhiệm vụ **Thông tin TT khuyến nông**

Phụ lục VII: Định mức KTKT khuyến nông nhiệm vụ **Đào tạo HL khuyến nông**